

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2020/HSST**
Ngày: 27-02-2020

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cần – Cán bộ hưu trí.
2. Ông Nguyễn Trung Diễn – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2020/HSST ngày 09 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 79/2020/QĐXX ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lục Triệu L**, sinh năm 1993, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: số 48/9, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục A C; sinh năm: 1970 và bà Phạm Thị Thùy T; sinh năm: 1971. Hiện chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự, nhân thân: Không.

Bị bắt ngày 20/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

2. Họ và tên: **Lục Triệu N**, sinh ngày 05/01/2003, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: số 48/9, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục A C; sinh năm: 1970 và bà Phạm Thị Thùy T; sinh năm: 1971. Hiện chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự, nhân thân: Không.

Bị bắt ngày 20/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

- Người giám hộ cho bị cáo Nhân: Bà **Phạm Thị Thùy T**; sinh năm: 1971. Địa chỉ: 48/9, khu phố 7, phường T, TP. B, tỉnh Đ;

- Bị hại:

1. Bà **Lương Ngọc T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 37/1, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bà **Bùi Thị D**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 164/10, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Các bị cáo, bị hại D có mặt; bị hại T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi trộm cắp tài sản:

Khoảng 17 giờ ngày 31/7/2019, Lục Triệu L điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 60L3 - 3989 chở em trai ruột là Lục Triệu N đi tìm xem có ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đến trước nhà số 37/1, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đ do chị Lương Ngọc T, sinh năm 1981 làm chủ thì phát hiện có 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60F1- 803.91 dựng phía trước nhà, trên xe vẫn cắm sẵn chìa khóa, không có người trông coi. L dừng xe phía trước nhà để cảnh giới còn N xuống xe đi bộ lại gần dắt chiếc xe Vison biển số 60P1- 803.91 ra ngoài rồi nổ máy tẩu thoát. Sau khi trộm cắp được chiếc xe trên, L và N mang chiếc xe đến trước quán Cà phê “*Không Gian*” thuộc phường H, thành phố B bán cho một thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) được 6.000.000đ (sáu triệu đồng) rồi chia nhau tiêu xài hết.

Bị mất tài sản, chị T đã đến Công an phường H, TP B trình báo sự việc. Qua xác minh và trích xuất Camera, Công an phường H đã mời Lục Triệu L và Lục Triệu N lên làm việc. Tại cơ quan điều tra L và N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision màu đỏ, biển số 60F1- 803.91 là tài sản bị trộm cắp. Sau khi trộm cắp L và N đã bán cho một thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) nên không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 432/TCKH-HĐĐG ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Vision màu đỏ, biển số 60F1- 803.91 có giá trị định giá là 29.070.000 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Về dân sự: Bị hại Lương Ngọc T yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường giá trị chiếc xe theo Kết luận định giá. Hiện các bị cáo chưa bồi thường.

Về hành vi cướp giật tài sản:

Khoảng 06 giờ ngày 06/8/2019, Lục Triệu và Lục Triệu N rủ nhau đi cướp giật tài sản. điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 60L3 - 3989 chở Lục Triệu N đi tìm xem có ai để tài sản sơ hở thì cướp giật. Khi đến trước nhà số 164/10, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ thì phát hiện thấy bà Đinh Thị D, sinh năm 1957 đang đứng trước nhà kẹp chiếc ví ở trên cổ để dung hai tay khóa cửa, bên trong chiếc ví có đựng 1 chiếc điện thoại hiệu Nokia 230. Thấy vậy, L chạy xe chậm lại cho N nhảy xuống xe áp sát chỗ bà D đang đứng rồi giật chiếc ví của D đang kẹp ở giữa cổ và vai sau đó nhanh chóng chạy ra ngồi lên xe

L đang chờ và cùng tàu thoát. Chạy được 1 đoạn thì L và N bị người dân truy đuổi đập vào người làm N đánh rơi chiếc ví cướp giật được. L và N tiếp tục chạy và trốn thoát.

Bị cướp giật tài sản, bà D đã đến Công an phường T, TP B trình báo sự việc. Qua xác minh và trích xuất Camera, Công an phường A tại nhà bị hại Công an phường T đã mời L và N lên làm việc. Tại cơ quan điều tra L và N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc ví da bên trong có chứa 01 điện thoại Nokia 230 và 01 CMND và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên bà D đã được thu hồi và trả lại cho bà D.

- 01(một) xe mô tô hiệu Wave, biển số 60L3-3989, số máy VPDHA152FH là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 607/TCKH-HĐĐG ngày 06/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận: “01 điện thoại Nokia 230 có giá trị định giá là 555.000 đồng (*Năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

Về dân sự: Bị hại bà Đinh Thị D không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại cáo trạng số 34/CT/VKS-HS ngày 07- 01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Lục Triệu L và Lục Triệu N về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Xử phạt bị cáo Lục Triệu L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt bị cáo Lục Triệu N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 31/7/2019, tại nhà 37/1, khu phố N, phường H, thành phố B, Lục Triệu L và Lục Triệu N đã có đã có hành vi trộm cắp của chị Lương Ngọc T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60F1- 803.91 có giá trị là 29.070.000 đồng (*Hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*). Đến khoảng 6 giờ ngày 06/8/2019, tại nhà số 164/10, khu phố 4, phường T, thành phố B, Lục Triệu L và Lục Triệu đã có đã

có hành vi trộm cắp của bà Đinh Thị D 01 (một) chiếc ví da bên trong có chứa 01 điện thoại Nokia 230 có giá trị là 550.000đồng thì bị phát hiện và bắt giữ xử lý. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự và “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội.

Xét vai trò của từng bị cáo: Các bị cáo thực hiện đồng phạm giản đơn không có phân công tổ chức chặt chẽ.

Bị cáo Lục Triệu L là người rủ rê Lục Triệu N - là người chưa thành niên - đi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản, đồng thời L còn là trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu mức án cao nhất trong vụ án để răn đe phòng ngừa chung là đúng pháp luật.

Bị cáo Lục Triệu N là người giúp sức tích cực cho L thực hiện hành vi phạm tội nên cũng phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lục Triệu L phạm vào tình tiết xúi dục người dưới 18 tuổi (*Lục Triệu N sinh năm 2003*) phạm tội được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thật thà khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở đó, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo N chưa thành niên nên cần áp dụng Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự để cân nhắc hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại Lương Ngọc T yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 29.070.000 đồng (*Hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*), hiện các bị cáo chưa bồi thường nên bên buộc bị cáo L và người đại diện hợp pháp của bị cáo N là bà T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc ví da bên trong có chứa 01 điện thoại Nokia 230 và 01 CMND và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên bà D, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, biển số 60L3 – 3989, số máy VPDHA152FH là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nhưng chưa xác minh được chủ sở hữu nên cần tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau.

[8] Đối với đối tượng không rõ họ, địa chỉ là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60F1- 803.91 là tài sản của P và Q trộm cắp được. Hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Q nên tiếp tục xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

[9] Trong quá trình điều tra, bà D có trình bày trong chiếc ví da bên đã bị các bị cáo cướp ngoài 01 điện thoại Nokia 230; 01 CMND ; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên bà D còn có số tiền 6.500.000đồng nhưng các bị cáo không thừa nhận

có số tiền trên. Ngoài lời khai của bà D không có chứng cứ nào để chứng minh nên không có căn cứ xử lý.

[10] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo L và bà T mỗi người và số tiền 727.0000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Lục Triệu L** và **Lục Triệu N** phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 171 và khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 điều 52, Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lục Triệu L** 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Lục Triệu L** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính ngày 20/9/2019.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 171 và khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lục Triệu N** 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Lục Triệu N** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 20/9/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo **Lục Triệu L** và người đại diện hợp pháp của bị cáo **Lục Triệu N** là bà **Phạm Thị Thùy T** có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại **Lương Ngọc T** số tiền 29.070.000đồng (*Hai mươi chín triệu, không trăm, bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm;

Buộc bị cáo L và bà T mỗi người phải chịu 727.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP. B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – Bị hại (4);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Xuân

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA